| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2023/DS-PT
Ngày 08-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Phi Yến

*Các Thẩm phán:* Ông Ngô Hà Nam
Bà Mai Vương Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Văn Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10/2023/QĐPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần P; Địa chỉ: 45 đường L, quận M, thành phố Hồ Chí Minh;

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Trịnh Văn C; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần P;

*Đại diện theo ủy quyền:*

1. Ông Lê Đình V; Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ (có mặt tại phiên tòa);

2. Ông Nguyễn Văn N; Chức vụ: Chuyên viên cao cấp pháp lý tố tụng (có mặt tại phiên tòa);

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Tuấn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Lô 14.B2-22 đường N, Khu dân cư N, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tạ Hùng T; sinh năm: 1984; Địa chỉ: Căn hộ 202-K75/3 đường T, tổ 24, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng;

2. Ông Trần Phước L, sinh năm 1988; Nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở hiện nay: 160 đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng;

3. Phòng Công chứng H thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: Số 209 đường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng;

4. Ông Trần Minh T1, sinh năm 1978;

5. Ông Hoàng Quý P, sinh năm 1993;

6. Bà Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm 1976;

7. Ông Hoàng Đặng Ngọc M, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: số 79 đường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

8. Bà Lê Thị Kim K, sinh ngày 20/12/1982; Địa chỉ: Căn hộ 202 - K75/3 đường T, tổ 24, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng;

9. Bà Nguyễn Thị Tường H, sinh ngày 16/6/1969; Địa chỉ: 227 Ngô Quyền, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng;

10. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1972; Địa chỉ: K21 đường N, tổ 11, khu dân cư T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng;

(Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt);

*Người kháng cáo:* Bà Hoàng Thị Tuấn T, là bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Quảng Nam trình bày:*

Ngày 06/11/2014, Ngân hàng TMCP P- Chi nhánh Quảng Nam (gọi tắt là Ngân hàng P) và bà Hoàng Thị Tuấn T ký kết Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTD-CN. Theo đó, bà T đã vay của Ngân hàng P số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng.

Ngày 07/11/2014, bà T đã ký khế ước nhận nợ (giấy nhận nợ) số 383/2014-OCB/KUNN-CN đề nghị chuyển số tiền này vào tài khoản số 0101100000327005 của ông Tạ Hùng T mở tại Ngân hàng P. Căn cứ đề nghị của bà T, vào ngày 08/11/2014, Ngân hàng đã chuyển đủ số tiền 750.000.000 đồng cho ông T, cũng trong ngày 08/11/2014, ông T đã chuyển lại cho bà T số tiền 289.300.000 đồng.

Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng nêu trên, vào ngày 28 hàng tháng, bà T có nghĩa vụ trả nợ lãi, trả nợ gốc vào cuối kỳ, vào đúng ngày 28 hàng tháng, bà T luôn trả nợ lãi trên số tiền nợ gốc 750.000.000 đồng đúng hạn và trả đều trong thời hạn 12 tháng theo đúng quy định.

Vào các ngày 07/12/2014 và ngày 07/03/2015, Ngân hàng có đi kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay của bà T, theo đó bà T sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả và bà T đã ký vào biên bản kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là bất động sản tại địa chỉ: thửa đất số 35, tờ bản đồ số 40, số 79 đường T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN024911 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/08/2013 mang tên là Hoàng Thị Tuấn T. Tài sản trên đã được bà T thế chấp để vay vốn ngân hàng, theo Hợp đồng thế chấp số 383/2014/BĐ ngày 06/11/2014 và đã được Phòng Công chứng H thành phố Đà Nẵng chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Từ thời điểm nhận nợ cho đến khi Ngân hàng P làm đơn khởi kiện thì bà T đã liên tiếp vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Mặc dù, Ngân hàng đã có rất nhiều văn bản nhắc nợ và có rất nhiều buổi làm việc cũng như đã tạo điều kiện cho phía bà T trả nợ đúng kỳ hạn cho phía Ngân hàng nhưng mọi thiện chí của Ngân hàng đều không được bà T hợp tác.

Tính đến ngày xét xử ngày 24 tháng 8 năm 2022, bà Hoàng Thị Tuấn T còn nợ Ngân hàng P số tiền như sau: nợ gốc 750.000.000 đồng; nợ lãi 911.727.792 đồng; tổng cộng là 1.661.727.792 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Hoàng Thị Tuấn T phải thanh toán dứt điểm một lần số tiền 1.661.727.792 đồng (trong đó nợ gốc 750.000.000 đồng, nợ lãi 911.727.792 đồng tạm tính đến ngày 24/8/2022); đồng thời buộc bà T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh theo lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTD-CN kể từ ngày 25/8/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án cho phát mãi tài sản mà bà T đã thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 383/2014/BĐ ngày 06/11/2014 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Đối với tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng P tự nguyện chịu.

* *Bị đơn bà Hoàng Thị Tuấn T trình bày:*

Vào năm 2014, bà có nhu cầu vay tiền để kinh doanh. Sau đó, bà có gặp ông Trần Phước L, Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Quảng Nam (gọi tắt là Ngân hàng P) để hướng dẫn thực hiện các thủ tục và hoàn tất hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng P. Trong quá trình lập hồ sơ để vay vốn của Ngân hàng P, ông L là người trực tiếp thực hiện tất cả các thủ tục theo quy định. Ông L đã nhiều lần đưa cho bà ký vào các giấy tờ có liên quan đến hồ sơ vay vốn theo các mẫu đã được soạn sẵn. Tuy nhiên, sau khi ký Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTD-CN ngày 06/11/2014 và Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 383/2014 OCBKUNN-CN ngày 07/11/2014 thì ông L đã không giao lại cho bà lưu giữ

một bản chính (của cả hai loại văn bản này) theo quy định và theo đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy, bà đã không thể có đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nghiêm trọng hơn nữa là sau khi bà ký tên vào Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTD-CN ngày 06/11/2014 và Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 383/2014-OCB/KUNN-CN ngày 07/11/2014, thì Ngân hàng P đã chuyển toàn bộ số tiền cho vay là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 0101100000327005 mở tại Ngân hàng P do ông Tạ Hùng T (người có tên trong khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 383/2014 OCR/KUNN-CN ngày 07/11/2014 giữa bà và Ngân hàng P làm chủ tài khoản. Sau đó, ông T đã không chuyển cho bà đầy đủ số tiền mà bà đã thỏa thuận vay của Ngân hàng P. Như vậy, việc bà xác lập và thực hiện Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTD-CN ngày 06/11/2014 và Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 383/2014-OCB/KUNN-CN ngày 07/11/2014 cũng như Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 383/2014/BĐ ngày 06/11/2014 giữa bà và Ngân hàng P là do bà bị lừa dối, ép buộc. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P. Đồng thời, bà có yêu cầu phản tố đối với Ngân hàng P như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Hồng H (người đại diện theo ủy quyền của bà) đã yêu cầu Ủy ban nhân dân quận C kiểm tra, xác nhận về "Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh cá thể" số 32H8015468 do Ủy ban nhân dân quận C cấp (số 46/GPKD) cho Hộ kinh doanh cá thể có tên bảng hiệu P (địa chỉ kinh doanh tại số 167 đường L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng). Theo xác nhận tại Văn bản số 1029/UBND-TCKH ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân quận C thì mã số Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 32H8015468 do bà Hoàng Thị Tuấn T đăng ký chủ hộ không có tên trong danh sách quản lý các hộ kinh doanh cá thể và không đúng theo quy định cấp phép thuộc Ủy ban nhân dân quận C. Vì vậy, bà có thể khẳng định rằng: "Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh cá thể" số 32H8015468 do Ủy ban nhân dân quận C cấp (số 46/GPKD) cho Hộ kinh doanh cá thể có tên bảng hiệu P do ông Trần Phước L - Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân của Ngân hàng P đưa vào hồ sơ vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTD-CN ngày 06/11/2014 và Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 383/2014 OCB/KUNN-CN ngày 07/11/2014 là giả mạo. Hơn nữa, bà cũng hoàn toàn không có xác lập bất kỳ một quan hệ dân sự, kinh doanh thương mại nào với ông Tạ Hùng T chủ tài khoản số 0101100000327005 mở tại Ngân hàng P.

Tóm lại, với những dấu hiệu giả mạo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vay vốn của bà do Ngân hàng P xác lập cùng với những hành vi trái pháp luật của các ông Trần Phước L và ông Tạ Hùng T, bà là người đã bị lừa dối khi giao kết các Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTĐ-CN ngày 06/11/2014 và Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 383/2014-OCB/KUNN-CN ngày 07/11/2014 cũng như Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 383/2014/BĐ ngày 06/11/2014 với Ngân hàng P. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết yêu cầu phản tố

của bà đối với Ngân hàng P về việc tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTD-CN ngày 06/11/2014 và Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 383/2014-OCB/KUNN-CN ngày 07/11/2014 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 383/2014/BĐ ngày 06/11/2014 giữa bà và Ngân hàng P là vô hiệu vì "Giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa". Đồng thời, bà cũng đề nghị Tòa án giải quyết buộc Ngân hàng P phải tiến hành các thủ tục giải chấp và hoàn trả cho bà Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 024911 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/8/2013 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 383/2014/BĐ ngày 06/11/2014 giữa bà T và Ngân hàng P. Ngoài ra, bà cũng đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng P trả lại cho bà toàn bộ số tiền lãi mà bà đã trả cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phước L trình bày:*

Tháng 11 năm 2014, ông có người bạn là bà Lê Thị Kim K, nhân viên Công ty tài chính đến giới thiệu khách hàng là bà Hoàng Thị Tuấn T cần vay vốn để kinh doanh nên đến Ngân hàng P để vay. Quá trình làm hồ sơ vay vốn bà T cung cấp đầy đủ giấy tờ, trong đó có cả đơn xác nhận kinh doanh của Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng để làm hồ sơ vay vốn. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, ông và bà T đến Văn phòng công chứng để công chứng khoản vay, công chứng viên đọc rõ số tiền này cho bà T nghe. Sau khi đăng ký thế chấp tài sản thì Ngân hàng P giải ngân vào tài khoản của ông Tạ Hùng T theo yêu cầu của bà T. Cần nói thêm, ông Tạ Hùng T là người kinh doanh, buôn bán với bà T nên trong khế ước nhận nợ, bà T cũng đồng ý chuyển vào tài khoản của ông Tạ Hùng T số tiền 750.000.0000 đồng. Vì vậy, ông L cho rằng ông không liên quan đến vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng H thành phố Đà Nẵng trình bày:*

Công chứng viên của Phòng công chứng H thành phố Đà Nẵng đã thực hiện chứng nhận Hợp đồng thế chấp số 12941 được giao kết giữa bên thế chấp bà Hoàng Thị Tuấn T và bên nhận thế chấp là Ngân hàng P. Theo khoản 3 Điều 8 Luật Công chứng năm 2006 quy định: "Người yêu cầu công chứng phải có năng lực hành vi dân sự, xuất trình đủ các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của giấy tờ đó".

Việc chứng nhận Hợp đồng thế chấp số 12941 nêu trên đã được Công chứng viên Phòng công chứng H thực hiện theo đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu và theo các giấy tờ hợp lệ do người tham gia hợp đồng xuất trình. Tại khoản 3 Điều 5 Luật Công chứng năm 2014 quy định: "Hợp đồng giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu". Do vậy, Phòng công chứng H không có bất cứ quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án này.

** Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Tạ Hùng T, ông Trần Minh T1, ông Hoàng Quý P, bà Nguyễn Thị Kiều H, ông Hoàng Đặng Ngọc M, bà Lê Thị Kim K, bà Nguyễn Thị Tường H và bà Trần Thị T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như có ý kiến đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

*Với nội dung nêu trên Bản án sơ thẩm quyết định như sau:*

Áp dụng:

- Các Điều 117, 298, 299, 317, 320, 323, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P đối với bà Hoàng Thị Tuấn T về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Tuấn T đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần P về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTD-CN ngày 06/11/2014, Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 383/2014-OCB/KUNN-CN ngày 07/11/2014 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 383/2014/BĐ ngày 06/11/2014 vô hiệu.

2. Buộc bà Hoàng Thị Tuấn T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24 tháng 8 năm 2022 là: 1.661.727.792 đồng, trong đó: nợ gốc 750.000.000 đồng; nợ lãi: 911.727.792 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Hoàng Thị Tuấn T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là: Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 40, số 79 đường T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN024911 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/08/2013 đứng tên là Hoàng Thị Tuấn T *(Tài sản trên đã được bà Tú thế chấp để vay vốn ngân hàng, theo Hợp đồng thế chấp số 383/2014/BĐ ngày 06/11/2014 và đã được Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định)* được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần P để Ngân hàng thu hồi nợ.

Trường hợp bà Hoàng Thị Tuấn T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P phải trả lại cho bà Hoàng Thị Tuấn T 01 (một) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 024911 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/8/2013 đứng tên bà Hoàng Thị Tuấn T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hoàng Thị Tuấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 61.851.834 đồng (Sáu mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, tám trăm ba mươi tư đồng);

- Bà Hoàng Thị Tuấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 01679 ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí 19.887.922 đồng (Mười chín triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng) theo Biên lai thu số 01588 ngày 10/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng Thương mại cổ phần P tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong) nên không xét.

Ngoài ra án sơ thẩm quyết định về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo như sau:

Ngày 05/9/2022, bị đơn bà Hoàng Thị Tuấn T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản sơ thẩm, bà T không chấp nhận trả số tiền gốc và lãi theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm vì bà cho rằng bà không thực nhận số tiền vay và bị những người liên quan trong vụ án lừa dối nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về tố tụng:*

[1] Ngày 05/9/2022, bà Hoàng Thị Tuấn T nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định, xét thấy đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét kháng cáo.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với các đương sự trong vụ án nhưng ngày 08/02/2023 người kháng cáo bà Hoàng Thị Tuấn T nộp đơn xin xét xử vắng mặt; còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm ông Tạ Hùng T, ông Trần Phước L, ông Trần Minh T1, ông Hoàng Quý P, bà Nguyễn Thị Kiều H, ông Hoàng Đặng Ngọc M, bà Lê Thị Kim K, bà Nguyễn Thị Tường H1, bà Trần Thị T1, Phòng Công chứng H thành phố Đà Nẵng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

*Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị Tuấn T thì thấy:*

[3] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTD-CN ngày 06/11/2014 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Quảng Nam và bà Hoàng Thị Tuấn T cũng như Khế ước nhận nợ số 383/2014-OCB/KUNN-CN ngày 07/11/2014 thể hiện:

Bà Hoàng Thị Tuấn T vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền 750.000.000 đồng, với thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 07/11/2014; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất cho vay cố định 11.75%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; hình thức rút vốn là chuyển khoản số tiền 750.000.000 đồng vào tài khoản số 0101100000327005 của Tạ Hùng T mở tại Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Quảng Nam; trả nợ gốc là vào cuối kỳ; trả nợ lãi định kỳ vào ngày 28 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Để đảm bảo khoản vay trên, bà T thế chấp tài sản gồm nhà đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 40 địa chỉ: 79 đường T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 024911 do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/8/2013 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

383/2014/BĐ ngày 06/11/2014 được công chứng tại Phòng công chứng H, thành phố Đà Nẵng, số công chứng 12941.

[4] Trong quá trình vay, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi đến ngày 06/11/2015 là 86.979.000 đồng và ngày 21/01/2020 trả lãi phạt là 5.000.000 đồng; bà T còn nợ tiền gốc vay của Ngân hàng P là 750.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/11/2015 đến ngày xử sơ thẩm ngày 24/8/2022 là 911.727.792 đồng.

[5] Như vậy khoản vay này đã hết hạn thanh toán nợ vay vào ngày 07/11/2015 nhưng bà T chưa thanh toán cả gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTD-CN ngày 06/11/2014. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P, buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng P số tiền 1.661.727.792 đồng, trong đó: nợ gốc 750.000.000 đồng; nợ lãi: 911.727.792 đồng (tính đến ngày 24/8/2022) và phải trả tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời, Tòa sơ thẩm quyết định xử lý về tài sản thế chấp trong trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Bà T khai nại, ông Trần Phước L, nhân viên tín dụng của Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Quảng Nam là người lập hồ sơ khống và tự ghi hình thức rút vốn là chuyển khoản số tiền 750.000.000 đồng vào tài khoản số 0101100000327005 của Tạ Hùng T mở tại Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Quảng Nam, sau đó Ngân hàng đã tự ý chuyển khoản vào tài khoản của ông T, thực tế bà chỉ nhận số tiền vay là 289.000.000 đồng. Lời khai này của bà T không được ông L thừa nhận và không có chứng cứ chứng minh ông L lập hồ sơ khống để lừa dối chiếm đoạt tiền vay. Bởi quá trình giải quyết vụ án, bà T đã gởi đơn tố cáo bà Lê Thị Kim K, bà Nguyễn Thị Tường H, bà Trần Thị T1, ông Tạ Hùng T đã cấu kết với ông Trần Phước L là nhân viên tín dụng của Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Quảng Nam lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 700.700.000 đồng trong việc vay vốn Ngân hàng. Tuy nhiên quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự với lý do vụ việc tố cáo không có đủ yếu tố cấu thành tội phạm của vụ án hình sự, đồng thời bà T đã rút đơn tố cáo.

[7] HĐXX xét thấy: Thời điểm bà T xác lập giao dịch dân sự cụ thể là Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đối với Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Quảng Nam thì bà T là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch tại các hợp đồng trên không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện. Do đó, không có căn cứ để xác định Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTD-CN ngày 06/11/2014; Khế ước nhận nợ số 383/2014-OCB/KUNN-CN ngày 07/11/2014 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 383/2014/BĐ ngày 06/11/2014 là vô hiệu như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở. Mặt khác,

trong quá trình vay tiền thì bà T đều trả tiền lãi hàng tháng từ thời điểm vay cho đến ngày 06/11/2015 trên số tiền nợ gốc vay là 750.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ để xác định bà T vay của Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Quảng Nam số tiền gốc 750.000.000 đồng nên bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 750.000.000 đồng và trả lãi chậm trả theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Quảng Nam.

[8] Từ những nhận định trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, xét thấy đề nghị của đại diện VKS là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[10] Do không chấp nhận kháng cáo của bà T nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 277, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

I. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Tuấn T.

II. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P đối với bà Hoàng Thị Tuấn T về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Tuấn T đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần P về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 383/2014/HĐTD-CN ngày 06/11/2014, Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 383/2014-OCB/KUNN-CN ngày 07/11/2014 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 383/2014/BĐ ngày 06/11/2014 là vô hiệu.

2. Buộc bà Hoàng Thị Tuấn T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24 tháng 8 năm 2022 là: 1.661.727.792 đồng (Một tỷ, sáu trăm sáu mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng); trong đó: nợ gốc 750.000.000 đồng; nợ lãi: 911.727.792 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Hoàng Thị Tuấn T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là: Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 40, số 79 đường T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN024911 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/08/2013 tên Nguyễn Thị A và đã được Văn phòng đăng ký đất đai quận S chỉnh lý biến động sang tên bà Hoàng Thị Tuấn T được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần P để Ngân hàng thu hồi nợ. (Tài sản trên đã được bà T thế chấp để vay vốn ngân hàng, theo Hợp đồng thế chấp số 383/2014/BĐ ngày 06/11/2014 và đã được Phòng Công chứng H thành phố Đà Nẵng chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định).

Trường hợp bà Hoàng Thị Tuấn T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P phải trả lại cho bà Hoàng Thị Tuấn T 01 (một) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 024911 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/8/2013 đứng tên bà Nguyễn Thị A và đã được Văn phòng đăng ký đất đai quận S chỉnh lý biến động sang tên bà Hoàng Thị Tuấn T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hoàng Thị Tuấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 61.851.834 đồng (Sáu mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, tám trăm ba mươi tư đồng);

- Bà Hoàng Thị Tuấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 01679 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí 19.887.922 đồng (Mười chín triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng) theo Biên lai thu số 01588 ngày 10/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng Thương mại cổ phần P tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

III. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Tuấn T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004560 ngày 16/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa V.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân H;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Thị Phi Yến**